

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2018

V/v Hôn nhân gia đình .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

2. Ông Nguyễn Gia Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc: Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Thủy T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm V L, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm H B, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Anh H L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm V L, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Xóm V L, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2018, bản tự khai ngày 23/4/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tiên kết hôn với anh Hoàng L năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Sau thời gian kết hôn vợ

chồng sống chung cùng với bố mẹ đẻ anh L được khoảng ba tháng thì vợ chồng ra ở riêng sinh sống tại xã V M. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Về sau mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến to tiếng, cãi nhau, có lần nóng giận anh L không kiềm chế được đã đánh chị T, bản thân anh L hay chơi bời, không tập trung làm ăn kinh tế, không chăm lo cho gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không có thay đổi gì. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2018 đến nay không ai còn hỏi han quan tâm đến nhau, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh L để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng chưa có con chung. Tuy nhiên hiện nay chị T đang mang thai được khoảng hơn 07 tháng, chị T khẳng định thai được hình thành trong thời kỳ hôn nhân là con chung của chị T với anh L. Nguyên vọng của chị T là được nuôi con chung khi cháu ra đời đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung khi cháu được sinh ra.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ chung: Chị T trình bày khi vợ chồng ra ở riêng mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Thanh H có đưa cho vợ chồng chị số tiền 115.000.000đ, khi bà H đưa số tiền trên cho chị T không có giấy, biên bản giao nhận gì mà chỉ nói bằng miệng với nhau, số tiền này mục đích để vợ chồng sửa chữa nhà ra ở riêng và đầu tư kinh doanh quán cắt tóc gội đầu. Số tiền trên chị đã trả được cho bà H 5.000.000đ, còn nợ lại 110.000.000đ. Chị T xác định đây là nợ chung của vợ chồng, khi ly hôn nếu bà H yêu cầu trả khoản nợ trên thì vợ chồng cùng có trách nhiệm trả. Nếu bà H không yêu cầu hoặc chưa yêu cầu trả thì vợ chồng chưa trả.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 11/7/2018 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Hoàng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L kết hôn với chị Tiên năm 2017, có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Sau thời gian kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh L một thời gian ngắn sau đó vợ chồng ra ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị T không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm bên ngoài dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau, khi nóng giận anh L có đánh chị T, vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, anh chỉ biết chị T có nhắn tin chuyện trò tình cảm với người khác, người đó là ai thì anh không biết. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh L không nhất trí ly hôn, theo anh được biết hiện nay chị T đang mang thai vì vậy anh không muốn ly hôn. Khi biết chị T có thai thì anh L cùng mẹ anh L có đến thăm và mang quà cho chị T nhưng

chị T không nhận, anh cũng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, chị T đang mang thai, thai nhi được bao nhiêu thời gian thì anh không biết.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung. Anh L có nghe bà H là mẹ đẻ nói lại với anh có đưa cho chị T số tiền 115.000.000đ để vợ chồng sửa nhà ra ở riêng, đầu tư kinh doanh quán cắt tóc gội đầu, còn thực tế mẹ anh đưa cho chị T số tiền bao nhiêu, đưa khi nào và có giấy tờ gì hay không thì anh L không biết, chị T cũng không nói gì với anh về việc đầu tư kinh doanh, thu chi số tiền trên như thế nào. Vì vậy công nợ giữa mẹ anh với chị T thì hai người tự giải quyết, anh không có trách nhiệm phải trả cùng chị T số tiền trên.

Quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà mong muốn chị T và anh L suy nghĩ lại, bỏ qua những mâu thuẫn vợ chồng để về đoàn tụ chung sống với nhau. Hiện nay chị T đang mang thai để chị T sinh nở xong thì việc ly hôn hay không do anh chị tự quyết định. Đối với khoản tiền 115.000.000đ bà đã đưa cho chị T, khi đưa tiền không có giấy tờ gì chỉ nói miệng với nhau, mục đích đưa cho chị T số tiền trên để vợ chồng sửa nhà ra ở riêng, đầu tư kinh doanh quán gội đầu, chị T đã trả được cho bà H 5.000.000đ còn nợ số tiền 110.000.000đ. Tại phiên tòa bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ giữa bà với chị T, bà cũng chưa yêu cầu chị T phải trả ngay số tiền trên cho bà.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn chỉ đến một lần viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải ngày 11/7/2018; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thủy T, xử cho chị T được ly hôn anh Hoàng L. Về con chung: Hiện nay chị T đang mang thai được khoảng hơn 6 tháng, chị T cũng xác định đó là con chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, sau khi sinh con chị xin được nuôi con chung đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh L cấp

đưỡng nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyện vọng của chị T, để chị T được trực tiếp nuôi con chung sau khi cháu chào đời đến khi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật. Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/4/2018 chị Hà Thị Thủy T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Hoàng L, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thủy T và anh Hoàng L đăng ký kết hôn ngày 09/3/2017 tại UBND xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống chung cùng với bố mẹ anh L được một thời gian ngắn thì vợ chồng ra ở riêng, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Thời gian gần đây trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, không tin tưởng nhau để tập trung làm ăn kinh tế lo toan cho gia đình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị T đề nghị được ly hôn nhưng anh L không nhất trí ly hôn với lý do theo anh L được biết hiện nay chị T đang mang thai. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh L đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến đánh chửi nhau, bà Nguyễn Thị Thanh H là mẹ đẻ anh L cũng xác định vợ chồng chị T và anh L có mâu thuẫn, vợ chồng có cãi nhau, anh L có đánh chị T. Thực tế vợ chồng sống ly thân một thời gian dài mà không có biện pháp khắc phục. Việc anh L không đồng ý ly hôn vì chị T đang mang thai, lý do anh L đưa ra không được chấp nhận, việc chị T đề nghị ly hôn không bị hạn chế quyền trong khi chị đang mang thai. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh L không đồng ý ly hôn chỉ vì chị T đang mang thai, anh L không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ngay cả khi anh L biết chị T mang thai nhưng anh L cũng ít động thái thể hiện việc quan tâm đến chị T, điều đó thể hiện anh L chưa thực sự có trách nhiệm với chị T. Vì vậy chị T xin ly hôn với anh L là có căn

cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh L đều xác định vợ chồng chưa có con chung nhưng hiện nay chị Tiên đang mang thai được hơn 07 tháng, chị T khẳng định thai được hình thành trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Chị T có cung cấp kết quả phiếu siêu âm ngày 12/7/2018 thai nhi được 22 tuần 01 ngày, đối chiếu với thời gian chị T và anh L chung sống với nhau đến khi vợ chồng ly thân thì xác định thai nhi là con chung của chị T với anh L. Quan điểm của chị T khi cháu được sinh ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung sau khi chị sinh con. Về phía anh L chỉ biết chị T mang thai nhưng không biết thai được bao nhiêu tuần tuổi và cũng không có quan điểm gì. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T đang mang trong thời kỳ hôn nhân, thai nhi do chị T đang mang là con chung của chị T với anh L. Vì vậy khi con chung của chị T và anh L chào đời cần giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Thủy T đối với anh Hoàng L. Xử cho chị Hà Thị Thủy T được ly hôn anh Hoàng L.

2. Về con chung: Xác nhận thai nhi do chị T đang mang là con chung của chị T với anh L. Chị Hà Thị Thủy T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung kể từ khi con chung của chị T, anh L được sinh ra đến khi cháu thành niên, anh L

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi con chung được sinh ra, anh L không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Thủy T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Hôn nhân và gia đình. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/009826 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã Văn Miếu;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Khải